

*Căn cứ ý kiến thỏa thuận của Bộ Y tế tại Văn bản số 1156/YT-ĐTr ngày 20 tháng 2 năm 2001;*

*Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn sửa đổi về việc phân cấp giải quyết chế độ sau khi giám định lại thương tật đối với người bị thương quy định tại tiết a, điểm 4, Mục B Phần I Thông tư liên tịch số 20/2000/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 20 tháng 9 năm 2000 như sau:*

**4. Giải quyết chế độ sau khi giám định lại thương tật:**

a) Đối với người quy định tại điểm 1 Mục B: nếu sau khi giám định lại vẫn ở mức dưới 21% thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lưu giữ biên bản giám định thương tật, không thực hiện khoản trợ cấp 1 lần. Nếu sau khi giám định lại được xác định tỷ lệ thương tật từ 21% trở lên thì Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định điều chỉnh trợ cấp thương tật và lập bản trích lục hồ sơ thương tật.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ủy quyền cho Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký, đóng dấu bản trích lục hồ sơ thương tật của từng người để chuyển về Bộ.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giao cho Cục Thương binh - Liệt sỹ và Người có công tổ chức lưu trữ bản trích lục hồ sơ thương tật của thương binh do các địa phương bàn giao; đồng thời đối chiếu với danh sách đề nghị giám định lại thương tật đã thẩm định (quy định tại điểm 3 Mục B Phần I Thông tư liên tịch số 20/2000/TTLT-BLĐTBXH-BYT) để đăng ký số giấy chứng nhận thương binh và thông báo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, giải quyết quyền lợi cho thương binh theo quy định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2001 và thay thế tiết a, điểm 4, Mục B, Phần I Thông tư liên tịch số 20/2000/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 20 tháng 9 năm 2000 của liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế.

Quá trình thực hiện, có vướng mắc đề nghị các địa phương phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn giải quyết./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội  
Thủ trưởng

NGUYỄN ĐÌNH LIÊU

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT  
TRIỂN NÔNG THÔN**

**THÔNG TƯ số 15/2001/TT-BNN-PCLB  
ngày 23/2/2001 hướng dẫn lập đơn  
giá và chế độ dự toán công tác  
tu bổ đê điều sử dụng lao động  
nông nhân.**

Để thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 889/CP-NN ngày 29/9/2000 về việc cho phép Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sử dụng lao động nông nhân trong công tác tu bổ đê điều hàng năm. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập đơn giá và chế độ dự toán công tác tu bổ đê điều được sử dụng lao động nông nhân như sau:

**1. Định mức ngày công lao động nông nhân.**

Định mức ngày công lao động nông nhân trong công tác xây dựng, tu bổ (bao gồm cả công việc duy tu bảo dưỡng) đê, kè, cống thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn áp dụng theo Quyết định số 1199/QĐ-XDCB ngày 02/7/1994 của Bộ Thủy lợi (cũ) và Quyết định số 818/QĐ-XDCB ngày 09/5/1997 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



**2. Đơn giá ngày công lao động nông nhân.**

Đơn giá một ngày công lao động nông nhân do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhưng mức tối đa phải thấp hơn 120% tiền lương một ngày của mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

**3. Định mức chi phí chung, thu nhập thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng.**

Định mức chi phí chung, thu nhập thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng đối với khối lượng xây dựng, tu bổ, duy tu bảo dưỡng đê, kè, cống sử dụng lao động nông nhân thực hiện như đối với lao động nghĩa vụ công ích tại Thông tư số 181/1999/BNN-XDCB ngày 30/12/1999 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**4. Đối tượng áp dụng.**

Trong công tác xây dựng tu bổ đê điều, những hạng mục công trình mà điều kiện hiện trường, điều kiện kỹ thuật không thể tổ chức thi công bằng cơ giới thì cho phép sử dụng lực lượng lao động nông nhân để thi công.

**5. Hiệu lực thi hành.**

Đơn giá và chế độ dự toán công tác tu bổ đê điều sử dụng lao động nông nhân quy định trong Thông tư này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2001.

Thông tư này được áp dụng thống nhất trong công tác xây dựng, tu bổ, duy tu bảo dưỡng đê, kè, cống trong toàn ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cần phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, giải quyết./

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp  
và Phát triển nông thôn  
*Thứ trưởng*

PHẠM HỒNG GIANG

**BỘ THƯƠNG MẠI****THÔNG TƯ số 04/2001/TT-BTM ngày 22/2/2001 hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 28/2000/CT-TTg ngày 27/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Quy chế Ghi nhãn hàng hóa ban hành kèm theo Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999.**

Để việc thực hiện Quy chế Ghi nhãn hàng hóa ban hành kèm theo Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ (dưới đây gọi là Quy chế Ghi nhãn hàng hóa) nghiêm túc và có hiệu quả, kịp thời khắc phục những tồn tại khó khăn, vướng mắc, ngày 27/12/2000 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 28/2000/CT-TTg về việc thực hiện ghi nhãn hàng hóa (dưới đây gọi là Chỉ thị 28) Bộ Thương mại hướng dẫn như sau:

**1. Các cơ quan quản lý nhà nước tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện Quy chế Ghi nhãn hàng hóa lưu thông trên thị trường và xử lý các trường hợp vi phạm theo hướng dẫn sau đây:**

a) Công tác kiểm tra, kiểm soát việc ghi nhãn hàng hóa:

Nội dung kiểm tra thực hiện Quy chế Ghi nhãn hàng hóa phải bao gồm các quy định về hình thức ghi nhãn (như cách ghi nội dung trên hàng hóa, bao bì thương phẩm, nhãn phụ, tài liệu thuyết minh kèm theo, ngôn ngữ được sử dụng...); cả về nội dung ghi nhãn (các nội dung bắt buộc và các nội dung không bắt buộc). Công tác kiểm tra hình thức và nội dung ghi nhãn hàng hóa phải căn cứ vào Quy chế Ghi nhãn hàng hóa ban hành kèm theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các thông tư hướng dẫn thực hiện Quy chế Ghi nhãn hàng hóa của các Bộ, ngành liên quan.

Công tác kiểm tra việc thực hiện ghi nhãn